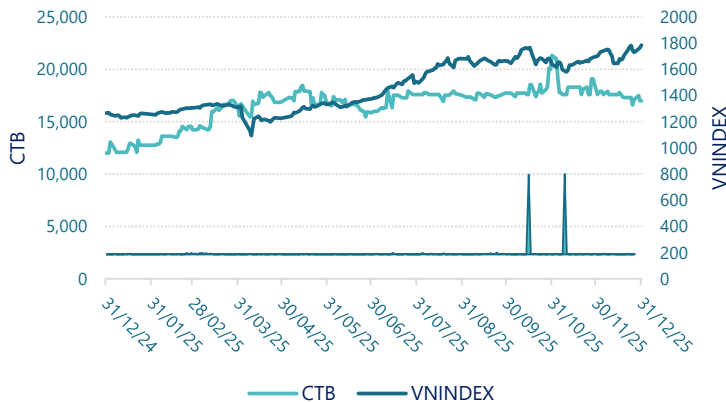




CTCP Chế tạo Bơm Hải Dương (HNX: CTB)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch

31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	17,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	21,333
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	12,010
SL cổ phiếu LH	20,519,960
KLGD BQ 20 phiên (CP)	930
% sở hữu nước ngoài	0.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	349
P/E	9.0
EPS	1,898

DT thuần

Q4/25

266

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 176 | 195%

YoY: ▼ 188 | -41.5%

LN sau thuế

Q4/25

9.67

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 3.51 | 57.0%

YoY: ▼ 25.7 | -72.7%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

9.4%

+/- YoY: ▲ 0.4%

DT thuần

2025

584

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 101 | -14.7%

LN sau thuế

2025

38.9

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 8.40 | -17.7%

ROE

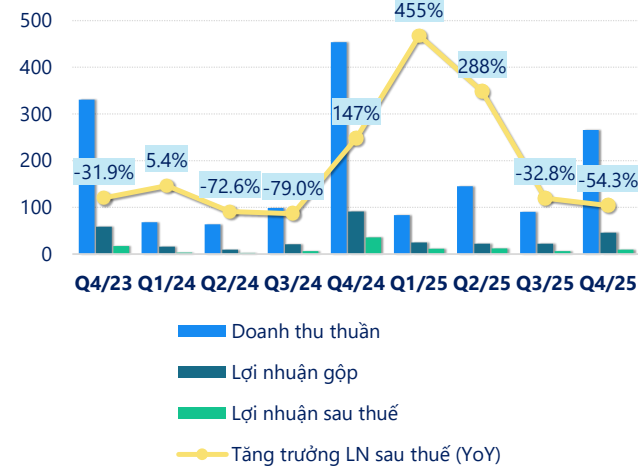
2025

12.6%

+/- YoY: ▼ 3.4%

tỷ VNĐ

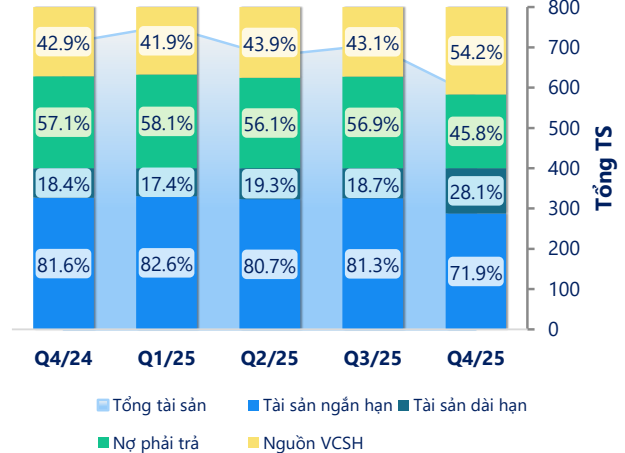
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

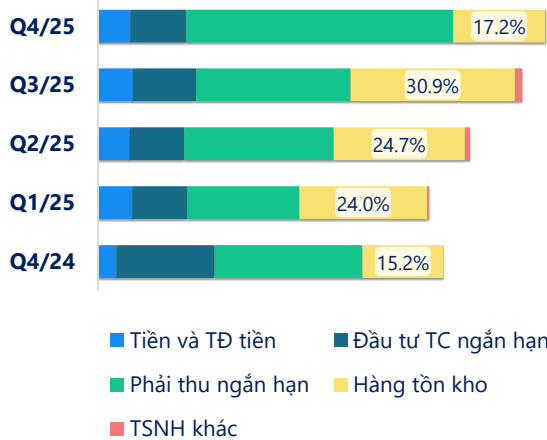
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



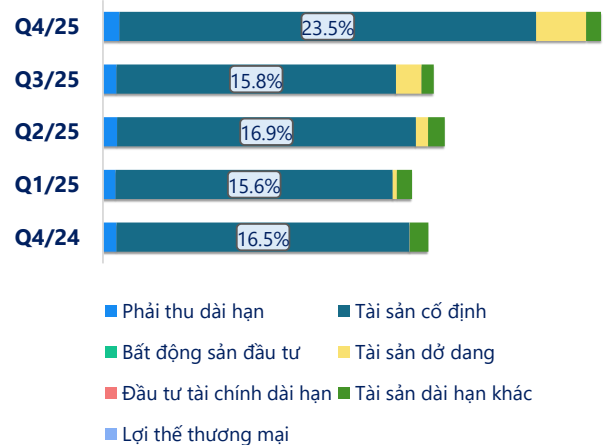
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

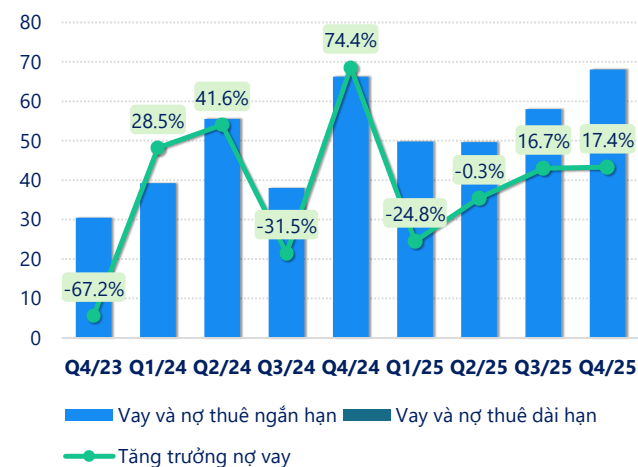
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

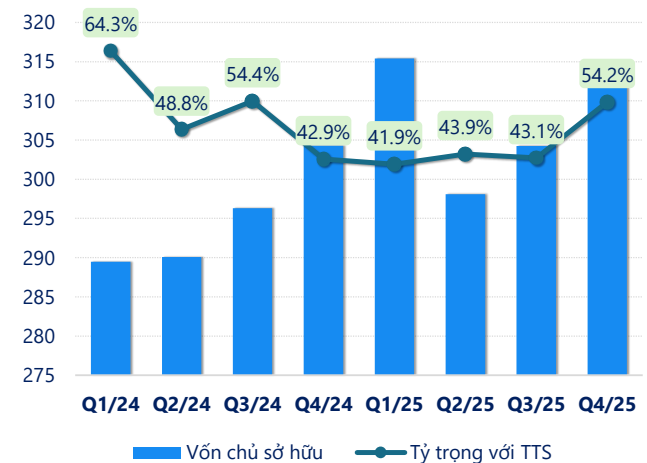
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

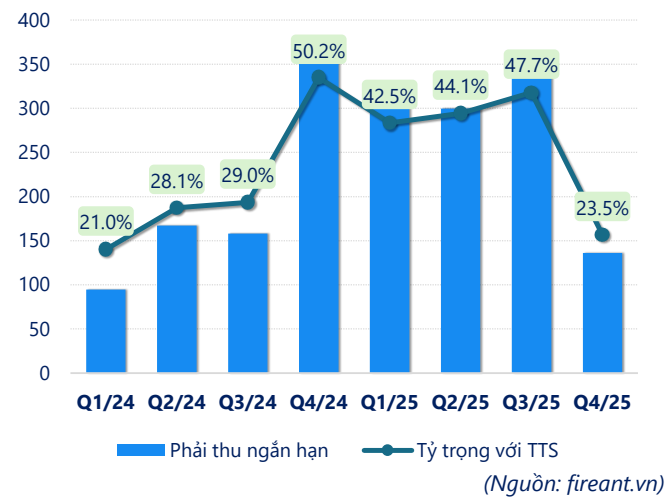
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu

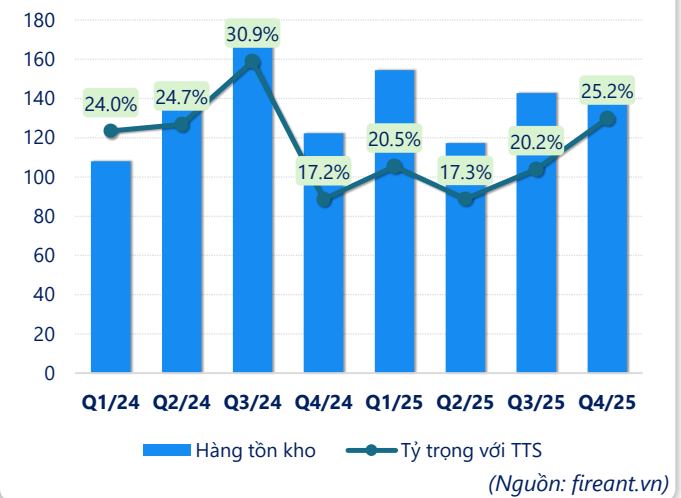


(Nguồn: fireant.vn)

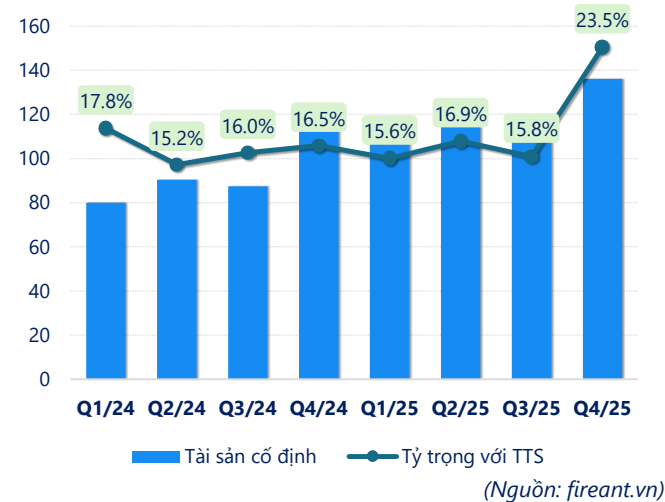
tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


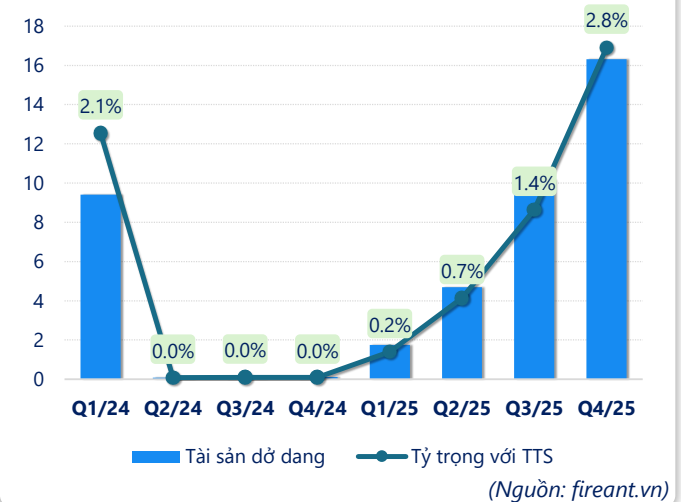
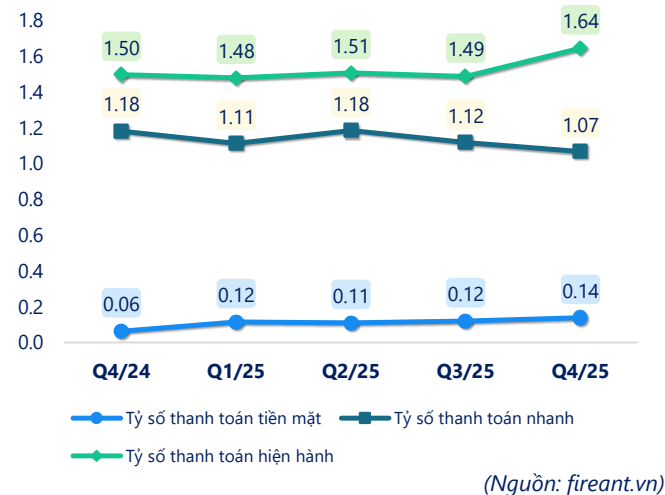
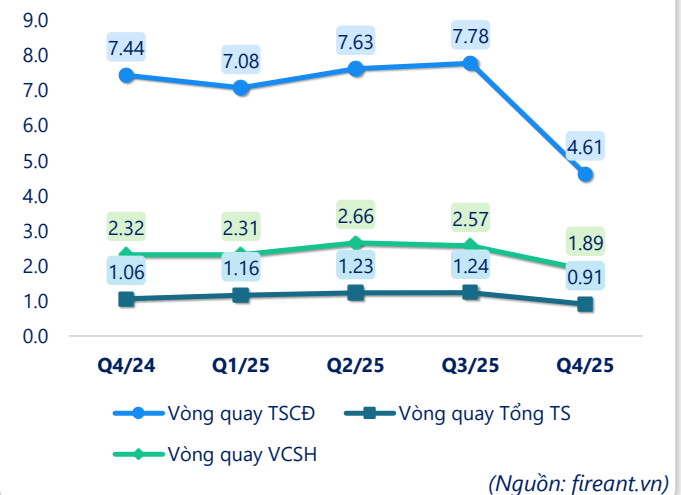
tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


tỷ VNĐ

Tài sản cố định


tỷ VNĐ

Tài sản dở dang

Chỉ số thanh khoản

Vòng quay tài sản


CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	709	753	679	706	579
Tài sản ngắn hạn	579	622	548	574	416
Tiền và tương đương tiền	24.4	48.4	40.1	46.2	35.0
Đầu tư tài chính ngắn hạn	74.9	95.0	90.0	47.8	98.0
Phải thu ngắn hạn	356	320	300	337	136
Hàng tồn kho	122	154	117	143	146
Tài sản ngắn hạn khác	1.29	3.74	1.02	0.77	0.94
Tài sản dài hạn	130	131	131	132	163
Phải thu dài hạn	5.39	5.39	5.38	5.38	5.38
Tài sản cố định	117	118	115	111	136
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0.10	1.75	4.69	10.2	16.3
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	7.39	6.41	6.31	4.90	4.86
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	405	438	381	402	265
Nợ ngắn hạn	387	420	363	386	253
Vay và nợ thuê ngắn hạn	66.3	49.8	49.7	58.0	68.1
Phải trả người bán ngắn hạn	208	206	194	203	67.7
Nợ dài hạn	18.2	17.5	17.3	15.5	11.8
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	304	315	298	304	314
Vốn chủ sở hữu	304	315	298	304	314
Vốn điều lệ	137	137	137	137	205
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)